SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNGVÀ KINH TẾ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 10 năm 2026

Số: 44 /TTKĐ-PTN

CÔNG BỐ THÔNG TIN
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có liên quan.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức: Trung tâm Kiểm định chất lượng và Kinh tế xây dựng Bắc Ninh (Phòng thí nghiệm xây dựng LAS-XD).

- Quyết định thành lập số 56/QĐ-UB ngày 23/7/2003 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Địa chỉ: Trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, thành phố Bắc Ninh.

- Điện thoại: (0204) 3554 716.

- Email: ttkiemdinhxdbacgiang@gmail.com

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tầng 1, Trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, thành phố Bắc Ninh.

- Địa chỉ đặt Trạm thí nghiệm hiện trường số 01: Lô CN 06, Khu công nghiệp Yên Lư, phường Yên Dũng, thành phố Bắc Ninh.

2. Thông tin dừng hoạt động thí nghiệm 01.

- Địa điểm: Trạm thí nghiệm hiện trường số 01, Lô CN 06, Khu công nghiệp Yên Lư, phường Yên Dũng, thành phố Bắc Ninh.

- Thời gian dừng hoạt động: từ ngày 16/10/2026.

3. Địa điểm mới (hoạt động từ ngày 19/10/2026)

- Địa điểm mới trạm thí nghiệm 01: Lô CN 03 và CN 04, Khu công nghiệp Yên Lư, phường Yên Dũng, thành phố Bắc Ninh.

+ Trạm trưởng: Nguyễn Duy Chiến - Điện thoại: 0983144276

+ Tên dự án/ công trình: Thi công xây dựng nhà xưởng Soilbuild

Theo hợp đồng số: 23092026/HĐKT/HOPLUC- LAS-XD, ký ngày 23 tháng 9 năm 2026 giữa Trung tâm Kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh và Công ty Cổ phần xây dựng Hợp Lực.

- Địa điểm trạm thí nghiệm 02: Khu số 05, số 09 thuộc KĐT phía nam, phường Bắc Giang, thành phố Bắc Ninh.

+ Trạm trưởng: Nguyễn Duy Chiến - Điện thoại: 0983144276

+ Tên dự án/ công trình: Khu nhà ở xã hội số 2 tại khu số 05, số 09 thuộc KĐT phía Nam thành phố Bắc Giang.

Theo hợp đồng số: 00425/2025/HĐKT/BACGIANG/GDC-TL, ký ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa Trung tâm Kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh số 1 và Công ty Cổ phần tập đoàn GDC.

a) Nhân sự tham gia:

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ tại Trạm
1	Nguyễn Duy Chiến	Chủ trì thí nghiệm	Trạm trưởng; điện thoại liên hệ: 0983 144 276
2	Nguyễn Văn Dũng	Phụ trách phòng	Quản lý chung trạm số 02
3	Vũ Đức Thịnh	Phó Trưởng phòng	Quản lý chung trạm số 01
4	Nguyễn Tiến Hùng	Nhân viên	Thí nghiệm viên
5	Nguyễn Văn Đức	Nhân viên	Thí nghiệm viên
6	Nguyễn Mạnh Tiến	Nhân viên	Thí nghiệm viên
7	Vũ Trí Thức	Nhân viên	Thí nghiệm viên
8	Phùng Văn Hiên	Nhân viên	Thí nghiệm viên
9	Đỗ Văn Hiệp	Nhân viên	Thí nghiệm viên
10	Vũ Đức Hoàng	Nhân viên	Thí nghiệm viên
11	Đặng Công Việt	Nhân viên	Thí nghiệm viên
12	Vũ Văn Nam	Nhân viên	Thí nghiệm viên

b) Thiết bị đặt tại Trạm:

1. Máy thử độ bền kéo nén (WES-1000B); số serial No. 2508866;
2. Máy thử độ bền nén (TYA-2000); số serial No. 25103;
3. Máy thử độ bền kéo nén (WES-1000G); số serial No. 240405;
4. Máy thử độ bền nén (TYA-2000); số serial No. 2547;
5. Bộ sàng kiểm tra thành phần hạt đất, cát, subbase, base theo TCVN;
6. Máy đo điện trở đất (KEW 4105A); số serial No. E8361849;
7. Kích thủy lực (HHYG-300A); số serial No. S250631;
8. Cân kỹ thuật (GS ALC 15); số serial No. 20255823020
9. Cân kỹ thuật (GS ALC 15); số serial No. 20255823029;
10. Cân kỹ thuật (CTG 8H+); số serial No. 1603056;
11. Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ)
12. Khuôn đúc mẫu vữa (4x4x16) cm, Việt Nam: 05 bộ;
13. Khuôn đúc mẫu bê tông (15x15x15) cm, Việt Nam: 03 bộ;
14. Bộ côn kiểm tra độ sụt, độ xòe bê tông.
15. Bộ kiểm tra độ chặt hiện trường bằng phễu rót cát theo TCVN: 01 bộ;
16. Bộ kiểm tra độ chặt hiện trường bằng dao vòng theo TCVN: 01 bộ;

17. Bộ bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in.

c) Các pháp thử làm tại trạm hiện trường số 01 và trạm số 02:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**			
1.	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng bằng phương pháp Blaine, phương pháp sàng	TCVN 13605:2023	- Bộ sàng (kích thước mắt 0,09; 0.08; 0.045mm) - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g, - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bình khối lượng riêng, - Thiết bị thấm khí Blaine - Các dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	- Máy nén uốn TYA-2000 - Cân kỹ thuật (có độ chính xác ±1g) - Máy trộn, tủ dưỡng ẩm nhiệt - Thùng ngâm mẫu - Bộ sàng thí nghiệm - Cát tiêu chuẩn - Bộ khuôn mẫu: 40x40x160mm - Bộ bàn giằng vữa xi măng quay tay - Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm - Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm - Dụng cụ phụ trợ khác	

3.	Xác định giới hạn bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982	- Cân kỹ thuật - Sàng, chảo trộn, máy trộn - Khuôn (4x4x16cm), máy dằn (điển hình), bộ gá nén mẫu xi, bộ gá uốn mẫu - Máy nén TYA 2000 - Thùng chưng mẫu, bếp điện - Dụng cụ phụ trợ khác	
II	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**			
4.	Xác định độ sụt, độ chảy xoè của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C1611	- Côn thử độ sụt + tấm đế - Que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn - Phễu đổ hỗn hợp - Thước lá kim loại dài 300mm - Đồng hồ bấm giây - Các dụng cụ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
5.	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022	- Máy thử độ chống thấm - Khuôn đúc mẫu - Bàn chải sắc - Dụng cụ phụ trợ khác	
6.	Xác định giới hạn bền khi nén Xác định cường độ bê tông trên mẫu khoan	TCVN 3118:2022 TCXDVN 239 : 2006 TCVN 12252-2020	- Máy nén TYA 2000 - Thước kẹp, thước lá - Thước góc - Đệm truyền tải - Dụng cụ phụ trợ khác	
III	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA**			
7.	Xác định thành phần hạt, modun độ lớn	TCVN 7572-2:2006 TCVN 14135-	- Cân kỹ thuật (có độ chính xác đến ±0.01g)	Nguyễn Duy Chiến;

		5:2024	- Bộ sàng cốt liệu nhỏ: 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315; 0.14; 0.075mm - Bộ sàng cốt liệu lớn: 100; 70; 40; 20; 10; 5mm - Máy lắc sàng - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN 7572-4:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bình khối lượng riêng - Bình thủy tinh, cốc đong thủy tinh - Khăn thấm nước - Khay chứa mẫu - Bình hút ẩm - Phễu - Côn thử đột sụt cốt liệu, que chọc kim loại, bình ngâm mẫu - Dụng cụ phụ trợ khác	
9.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn.	TCVN 7572-5:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bình khối lượng riêng - Giỏ cân trong nước - Bình thủy tinh, cốc đong thủy tinh - Thước kẹp, bàn chải - Khăn thấm nước - Khay chứa mẫu - Bình hút ẩm - Phễu	

			- Dụng cụ phụ trợ khác	
10.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng.	TCVN 7572-6:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Thùng đong, thùng dung trọng các loại - Phễu xác định độ xốp của đá - Phễu xác định độ xốp của cát - Bộ sàng tiêu chuẩn - Thước lá kim loại - Dụng cụ phụ trợ khác	
11.	Xác định độ ẩm.	TCVN 7572-7:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Khay chứa mẫu - Dụng cụ đảo mẫu - Bay, xúc - Dụng cụ phụ trợ khác	
12.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-8:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (bình rửa đá) - Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (bình rửa cát) - Tấm kính, tấm kim loại phẳng - Que, kim sắt - Đồng hồ bấm dây - Dụng cụ phụ trợ khác	
13.	Xác định tạp chất hữu cơ.	TCVN 7572-9:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bếp cách thủy	

			- Bình dung tích, bình định mức - Cốc đong thủy tinh - Bộ sàng tiêu chuẩn 5mm, 20mm - Thang màu để so sánh mẫu - Thuốc thử các loại: NaOH 3%; ... - Dụng cụ phụ trợ khác	
14.	Xác định cường độ và hệ số mềm hóa của đá gốc.	TCVN 7572-10:2006	- Máy thử nén TYA 200kN/0.1kN. - Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Máy khoan và máy cắt đá - Máy mài nước - Thước kẹp - Thùng ngâm mẫu - Dụng cụ phụ trợ khác	
15.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ sàng tiêu chuẩn - Thước kẹp cải tiến - Dụng cụ phụ trợ khác	
16.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa.	TCVN 7572-17:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ sàng tiêu chuẩn - Kim sắt và kim nhôm - Búa nhỏ - Dụng cụ phụ trợ khác	
17.	-Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	- Cân kỹ thuật (có độ chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ sàng tiêu chuẩn - Máy lắc sàng	

			- Bình hút ẩm - Ống đong thủy tinh - Bình định mức - Bếp điện, nồi cách thủy - Giấy lọc - Phễu, chén sứ - Thuốc thử (Natri hydroxit NaOH, HCl đặc, hỗn hợp dung dịch AgNO3) - Dụng cụ phụ trợ khác	
18.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-20:2006	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ sàng tiêu chuẩn: kích thước 5; 2.5; 1.25; 0.630; 0.315; 0.140mm - Giấy nhám, đũa thủy tinh - Dụng cụ phụ trợ khác	
III.	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**			
19.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng	TCVN 3121-11:2022	- Máy nén - Khuôn mẫu: 40x40x160mm - Chày đầm mẫu - Thùng dưỡng mẫu - Tấm kính - Gá thử uốn/ nén - Thước kẹp (có độ chính xác 0.1mm) - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;

20.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	- Đồng hồ bấm giây (1s) - Cân kỹ thuật (chính xác 0.1% khối lượng mẫu) - Tủ sấy (60± 5oC) - Thùng lưu mẫu - Khuôn kim loại 160x40x40mm - Nước cất - Dụng cụ phụ trợ khác	
21.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	- Cân kỹ thuật (chính xác ±1g) - Tủ sấy 300°C (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ sàng tiêu chuẩn: 10; 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315; 0.14; 0.08mm - Dụng cụ phụ trợ khác	
IV	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM TRONG PHÒNG**			
22.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ sàng tiêu chuẩn - Bình tỷ trọng, bình khối lượng riêng - Tỷ trọng kế - Cối, chày proctor tiêu chuẩn - Cối, chày proctor cải tiến - Cối chày sứ - Bếp điện - Hộp nhôm có nắp - Dầu hỏa, nước cất - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Đức Hoàng; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
23.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ sàng tiêu chuẩn - Cối chày sứ - Máy hút chân không	

			- Hộp nhôm có nắp - Nhiệt độ điện tử - Bình hút ẩm - Dụng cụ phụ trợ khác	
24.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 TCVN 14134-3:2024	- Bộ sàng đất tiêu chuẩn (có ngăn đáy) có kích thước lỗ: 100; 80; 60; 40; 20; 10; 5; 2; 1; 0.5; 0.25 và 0.1 mm; - Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Cân điện tử (chính xác đến ±0.5g) - Cân điện tử (chính xác đến ±1g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Máy lắc sàng - Nhiệt kế điện tử hiện số - Nhiệt kế 100oC - Bình hút ẩm - Cối, chày tiêu chuẩn - Cối, chày proctor cải tiến - Cối chày sứ - Khay đựng đất với các kích cỡ khác nhau; bát men hoặc sứ; đồng hồ bấm giây - Dụng cụ phụ trợ khác	
25.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020	- Cân kỹ thuật (có độ chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ cối chày đầm tiêu chuẩn - Bộ cối chày đầm Proctor cải tiến - Bộ sàng tiêu chuẩn - Bình hút ẩm - Thanh gạt, khay để mẫu - Hộp nhôm có nắp - Dụng cụ phụ trợ khác	
26.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 TCVN	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g)	

		8729:2012	- Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Thùng dung trọng (hộc đong) - Bộ dao vòng - Thước cặp, dao cắt, tấm kính - Bình hút ẩm - Hộp nhôm có nắp - Thanh gạt, khay để mẫu - Cốc thủy tinh, bình thủy tinh (có chia vạch) - Dụng cụ phụ trợ khác	
V.	**KIỂM TRA THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**			
27.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 1651:2018 TCVN 314:2008	- Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN (WEW-1000B) - Thước kẹp - Cân điện tử - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Vũ Đức Hoàng; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
28.	Thử uốn	TCVN 198:2008; ISO 7438:2016; ASTM A370-2020; ASTM A438	- Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN (WEW-1000B) - Thước kẹp - Cân điện tử - Dụng cụ phụ trợ khác	
29.	Thử kéo, thử uốn chất lượng mối hàn	TCVN 5401:2010; TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010;	- Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN (WEW-1000B) - Thước kẹp - Cân điện tử - Dụng cụ phụ trợ khác	

		TCVN 8311:2010; TCVN 11977:2017		
30.	Kiểm tra chất lượng hàn ống –thử nén dẹt	TCVN 5402:2010	- Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN (WEW-1000B) - Thước kẹp - Cân điện tử - Dụng cụ phụ trợ khác	
31.	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989	- Máy thử kéo nén vạn năng 1000kN (WEW-1000B) - Thước kẹp - Cân điện tử - Dụng cụ gá nối - Dụng cụ phụ trợ khác	
32.	Kiểm tra khoan nhổ cấy thép, bu lông	TCVN 197-1:2014; TCVN 1651:2018 TCVN 314:2008	- Kích thủy lực HHYG-300A - Thước kẹp - Cân điện tử - Dụng cụ phụ trợ khác	
VI.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**			
33.	Kiểm tra, xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, cường độ uốn, độ hút nước, độ rỗng, khối lượng thể tích, khối lượng riêng, vết tróc do vôi	TCVN 6335-2009	- Máy nén uốn TYA-2000 - Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Thước kẹp - Máy cắt gạch - Các miếng kính làm phẳng vữa - Bay, khay trộn - Cát tiêu chuẩn - Thùng hoặc bể ngâm mẫu - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
VII.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG**			
34.	Xác định khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ bền	TCVN 6477:2016	- Máy nén uốn TYA - 2000 - Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g)	Nguyễn Duy Chiến;

	nén, Xác định độ rỗng, Xác định độ hút nước, Xác định độ thấm nước		- Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Thước kẹp - Bay, khay trộn - Cát tiêu chuẩn - Thùng hoặc bể ngâm mẫu - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
VIII.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**			
35.	Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, tải trọng uốn gãy, độ hút nước, độ bền nén, Xác định độ chịu lực va đập xung kích, Xác định độ cứng lớp mặt.	TCVN 6065:1995	- Máy nén uốn TYA - 2000 - Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.01g) - Tủ sấy 300oC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Thước kẹp - Viên bi - Thùng hoặc bể ngâm mẫu - Chìa khoá đồng. - Máy mài, đá mài - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
IX.	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**			
36.	Xác định độ chặt, độ ẩm, nền mặt đường bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02-1971 TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020 AASHTO T204	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.1g) - Tủ sấy 300ºC (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ dao vòng lấy mẫu đất hiện trường: búa đóng, đai dao, thanh dẫn - Bay, thanh gạt ... - Bếp, chảo, khay đựng, hộp nhôm	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức;

			- Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Đức Hoàng; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
37.	Xác định độ chặt bằng phễu rót cát, độ ẩm của đất, cấp phối đá dăm sau đầm nén tại hiện trường	22 TCN 346:2006 TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; AASHTO T191	- Cân kỹ thuật (chính xác đến ±0.1g) - Tủ sấy 300°C (điều chỉnh được nhiệt độ) - Bộ phễu rót cát hiện trường - Cát chuẩn thí nghiệm độ chặt - Búa, bay, thanh gạt - Bếp, chảo, khay, hộp nhôm - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Duy Chiến; Nguyễn Văn Dũng; Vũ Đức Thịnh; Nguyễn Tiến Hùng; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Tiến; Phùng Văn Hiên; Đỗ Văn Hiệp; Vũ Đức Hoàng; Vũ Văn Nam; Vũ Trí Thức;
38.	Đo điện trở hệ thống chống sét công trình xây dựng, hệ thống điện.	TCVN 9385:2012	- Máy đo điện trở - Dụng cụ phụ trợ khác	Nguyễn Văn Dũng; Đặng Công Việt

Trung tâm Kiểm định chất lượng và Kinh tế xây dựng Bắc Ninh trân trọng công bố để các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, phối hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Lưu: VT, PTN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ BẮC NINH
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ KINH TẾ XÂY DỰNG BẮC NINH

Nguyễn Ngọc Toàn